

**PHỤ LỤC**  
**NHU CẦU TUYỂN CHỌN, BỔ NHIỆM HOÀ GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG**  
**TỈNH QUẢNG NINH**

| <b>STT</b> | <b>Tên đơn vị</b>                                                          | <b>Số lượng<br/>chỉ tiêu<br/>(người)</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Hoà giải viên lao động do Sở Nội vụ quản lý</b>                         | <b>12</b>                                |                |
| 1          | Sở Nội vụ                                                                  | 04                                       |                |
| 2          | Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh                                         | 02                                       |                |
| 3          | Sở Tư pháp                                                                 | 02                                       |                |
| 4          | Bảo hiểm xã hội tỉnh                                                       | 02                                       |                |
| 5          | Liên đoàn lao động tỉnh                                                    | 02                                       |                |
| <b>II</b>  | <b>Hoà giải viên lao động do Phòng Văn hoá -<br/>Xã hội cấp xã quản lý</b> | <b>98</b>                                |                |
| 1          | Phường An Sinh                                                             | 02                                       |                |
| 2          | Phường Đông Triều                                                          | 03                                       |                |
| 3          | Phường Bình Khê                                                            | 02                                       |                |
| 4          | Phường Mạo Khê                                                             | 03                                       |                |
| 5          | Phường Hoàng Quế                                                           | 03                                       |                |
| 6          | Phường Yên Tử                                                              | 03                                       |                |
| 7          | Phường Vàng Danh                                                           | 02                                       |                |
| 8          | Phường Uông Bí                                                             | 03                                       |                |
| 9          | Phường Đông Mai                                                            | 03                                       |                |
| 10         | Phường Hiệp Hòa                                                            | 02                                       |                |
| 11         | Phường Quảng Yên                                                           | 02                                       |                |

| STT | Tên đơn vị        | Số lượng<br>chỉ tiêu<br>(người) | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------|---------|
| 12  | Phường Hà An      | 03                              |         |
| 13  | Phường Phong Cốc  | 03                              |         |
| 14  | Phường Liên Hòa   | 02                              |         |
| 15  | Phường Tuần Châu  | 02                              |         |
| 16  | Phường Việt Hưng  | 02                              |         |
| 17  | Phường Bãi Cháy   | 03                              |         |
| 18  | Phường Hà Tu      | 01                              |         |
| 19  | Phường Hà Lâm     | 02                              |         |
| 20  | Phường Cao Xanh   | 03                              |         |
| 21  | Phường Hồng Gai   | 02                              |         |
| 22  | Phường Hạ Long    | 01                              |         |
| 23  | Phường Hoàn Bò    | 01                              |         |
| 24  | Xã Quảng La       | 03                              |         |
| 25  | Xã Thống Nhất     | 01                              |         |
| 26  | Phường Mông Dương | 02                              |         |
| 27  | Phường Quang Hanh | 02                              |         |
| 28  | Phường Cẩm Phả    | 03                              |         |
| 29  | Phường Cửa Ông    | 02                              |         |
| 30  | Xã Hải Hòa        | 03                              |         |
| 31  | Xã Tiên Yên       | 02                              |         |

| STT | Tên đơn vị        | Số lượng<br>chỉ tiêu<br>(người) | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------|---------|
| 32  | Xã Điền Xá        | 02                              |         |
| 33  | Xã Đông Ngũ       | 02                              |         |
| 34  | Xã Hải Lạng       | 01                              |         |
| 35  | Xã Lương Minh     | 01                              |         |
| 36  | Xã Kỳ Thượng      | 0                               |         |
| 37  | Xã Ba Chẽ         | 0                               |         |
| 38  | Xã Quảng Tân      | 0                               |         |
| 39  | Xã Đàm Hà         | 01                              |         |
| 40  | Xã Cái Chiên      | 0                               |         |
| 41  | Xã Quảng Hà       | 03                              |         |
| 42  | Xã Đường Hoa      | 01                              |         |
| 43  | Xã Quảng Đức      | 0                               |         |
| 44  | Xã Hoành Mô       | 0                               |         |
| 45  | Xã Lục Hồn        | 01                              |         |
| 46  | Xã Bình Liêu      | 01                              |         |
| 47  | Xã Hải Sơn        | 01                              |         |
| 48  | Xã Hải Ninh       | 02                              |         |
| 49  | Xã Vĩnh Thục      | 0                               |         |
| 50  | Phường Móng Cái 1 | 02                              |         |
| 51  | Phường Móng Cái 2 | 02                              |         |

| STT | Tên đơn vị        | Số lượng<br>chỉ tiêu<br>(người) | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------|---------|
| 52  | Phường Móng Cái 3 | 02                              |         |
| 53  | Đặc khu Vân Đồn   | 03                              |         |
| 54  | Đặc khu Cô Tô     | 02                              |         |